

Bản án số: **1948/2020/DS-ST**
Ngày: 30/11/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Phước;
2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Hà, Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 1647/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 590/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 268/2020/QĐST-DS ngày 04/11/2020, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông **Lê Thanh Ph**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 2, phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phi Quyết Ch**, sinh năm 1953

(Có mặt)

Địa chỉ: Số đường số 30, khu Tân Quy Đông, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số 00020234, quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/10/2017 lập tại Văn phòng công chứng Tân Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

2/ Bị đơn: Ông **Nguyễn Lam H** , sinh năm 1978

Địa chỉ: Lam Sơn, Phường 6, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Bà **Phùng Thị Phương D** , sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: lô 26, đường số 3, khu phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số 001996 quyền số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/6/2020 lập tại Văn phòng Công chứng Phú Nhuận, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ông **Huỳnh Mẫn Đ** , sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: xã Gia An, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Ông **Huỳnh Thanh T** , sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đắc Lắc

(Theo giấy ủy quyền số 004630 quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 19/11/2020 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Nam, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh).

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Phạm Quế A** , sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 36/5 Lam Sơn, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 23/7/2015, Lê Thanh P và ông Nguyễn Lam H ký hợp đồng vay tiền số 02/2015/HĐVT; theo đó ông Huy vay số tiền 15,000,000,000 (Mười lăm tỷ) đồng, thời hạn vay là 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất tự thỏa thuận. Ngày 01/8/2017, ông Lê Thanh P nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Lam H phải trả số tiền còn thiếu là 8,800,000,000 (Tám tỷ tám trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ghi nhận các vấn đề sau đây:

Nguyên đơn trình bày: Thực tế trước khi ký hợp đồng vay tiền số 02/2015/HĐVT ngày 23/7/2015, nguyên đơn đã giao cho bị đơn 02 đợt vào các ngày 13/7/2015, số tiền là 6,500,000,000 (Sáu tỷ năm trăm triệu) đồng; ngày 21/7/2015, số tiền là 2,000,000,000 (Hai tỷ) đồng. Vào ngày ký hợp đồng 23/7/2015, nguyên đơn tiếp tục chuyển 5,000,000,000 (Năm tỷ) đồng; ngày 14/8/2015, nguyên đơn chuyển 1,200,000,000 (Một tỉ hai trăm triệu) đồng. Cộng với nợ cũ là 300,000,000 (Ba trăm triệu) đồng, tổng cộng bị đơn nợ số tiền

15,000,000,000 (Mười lăm tỉ) đồng. Từ ngày 02/10/2015 đến ngày 22/6/2017, bị đơn đã trả tất cả 07 đợt, tổng cộng là 6,200,000,000 (Sáu tỉ hai trăm triệu) đồng. Toàn bộ giao dịch vay mượn tiền được thực hiện thông qua chuyển khoản. Mặc dù thỏa thuận lãi nhưng những lần trả tiền đều là nợ gốc. Tại thời điểm vay mượn, nguyên đơn và bị đơn đều có gia đình nhưng số tiền cho vay là tiền riêng của nguyên đơn, không phải là tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Lam H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Quế A phải liên đới trả toàn bộ số tiền 8,800,000,000 (Tám tỉ tám trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 13/8/2020, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải không thành ngày 13/8/2020, bà Phùng Thị Phương Dung là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quá trình giao kết, thực hiện hợp đồng; xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 8,800,000,000 (Tám tỉ tám trăm triệu) đồng. Tuy nhiên do tình hình khó khăn nên đề nghị cho thêm thời gian để giải quyết các khoản vay và cam kết gửi kế hoạch trả nợ cho nguyên đơn.

Bà Phạm Quế A vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến, không thể hòa giải.

Tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không có người đại diện tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa; tuy nhiên vì lý do khách quan nên thời hạn giải quyết vụ án bị kéo dài. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định; Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; về án phí, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ nên quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các kết quả xác minh của Công an Phường 6, quận Bình Thạnh; Công an Phường 8, Quận 3; Công an Phường Minh An, Thành phố Hội An; Công an Phường Cửa Đại, Thành phố Hội An; Công an Phường Tân An, Thành phố Hội An; Công an phường Cẩm An, Thành phố Hội An thì ông Nguyễn Lam H có nơi đăng ký thường trú và cư trú cuối cùng tại số 36/5 Lam Sơn,

Phường 6, quận Bình Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tố tụng:

[2.1] Đối với bà Trần Thị Minh L : Tại thời điểm xác lập quan hệ vay mượn, bà Trần Thị Minh L là vợ của nguyên đơn (ông P). Đến ngày 23/8/2017, bà L và ông P ly hôn theo quyết định số 558/2017/QĐST-HNGĐ (đã có hiệu lực pháp luật). Theo giấy ủy quyền số 00024871 quyền số 02 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/12/2017 lập tại Văn phòng công chứng Tân Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Trần Thị Minh L ủy quyền cho ông Lê Thanh P tham gia tố tụng và bản tự khai ngày 20/12/2017 thì việc ông P cho ông H vay tiền theo hợp đồng ngày 23/7/2015 là tiền riêng của ông P , không phải là tài sản chung của vợ chồng. Bà không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì liên quan đến quyền lợi của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không triệu tập bà L với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[2.2] Đối với bà Phạm Quế A : Theo công văn số 333/UBND ngày 15/11/2017 của UBND Phường Minh An, Thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam gửi kèm trích lục giấy đăng ký kết hôn số 25 ngày 05/5/2005 và các xác minh tại Phường 6, quận Bình Thạnh thì có căn cứ xác định ông Nguyễn Lam H và bà Phạm Quế A là vợ chồng hợp pháp, chưa có thông tin ly hôn. Theo xác minh ngày 23/4/2018 của Công an Phường 6, quận Bình Thạnh thì bà Phạm Quế A có nơi cư trú tại 36/5 Lam Sơn, Phường 6, quận Bình Thạnh và công tác tại số 2 Lạc Long Quân, phường Tân An, Thành phố Hội An. Theo xác minh ngày 21/01/2019 của Công an phường Tân An, Thành phố Hội An thì không có địa chỉ trên tại địa bàn mà thuộc phường Cửa Đại, Thành phố Hội An. Theo xác minh ngày 27/11/2019 của Công an phường Cửa Đại, Thành phố Hội An thì tại địa phương có đường Lạc Long Quân nhưng không có địa chỉ số 02; ông Nguyễn Lam H và bà Phạm Quế A không đăng ký thường trú, tạm trú và cư trú tại địa bàn phường Cửa Đại. Tòa án đã nhiều lần triệu tập, yêu cầu bà Quế A cung cấp các tài liệu chứng cứ về quan hệ vay mượn giữa nguyên đơn và bị đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Quế A nhưng bà đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ bà Quế A từ bỏ các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án; xác định bà Phạm Quế A là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

[3] Xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt: Ông Nguyễn Lam H ủy quyền cho ba người tham gia tố tụng, bà Phạm Quế A không có người đại diện đã

được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng các đương sự đều vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Do nguyên đơn và người đại diện của bị đơn đều thống nhất quan hệ vay mượn, xác định số tiền bị đơn còn nợ là 8,800,000,000 (Tám tỉ tám trăm triệu) đồng, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sự thừa nhận của người đại diện tham gia tố tụng được coi là sự thừa nhận của bị đơn. Sự thừa nhận này phù hợp với các sao kê tài khoản thể hiện quá trình giao dịch chuyển các khoản tiền, phù hợp với Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2005. Đây là các tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh và được Tòa án thừa nhận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Theo thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền thì vay có lãi. Theo sự thừa nhận của hai bên thì số tiền bị đơn đã trả tổng cộng là 6,200,000,000 (Sáu tỉ hai trăm triệu) đồng là tiền gốc. Tại phiên tòa, nguyên đơn nhất trí không yêu cầu vợ chồng bị đơn phải trả lãi trên số tiền còn thiếu với tinh thần tương trợ, tạo điều kiện cho phía gia đình bị đơn trả nợ trong hoàn cảnh khó khăn hiện nay. Xét thấy đây là sự tự nguyện, thiện chí của nguyên đơn, có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Đối với nghĩa vụ liên đới: Như nhận định tại phần [2.2], bà Phạm Quế A và ông Nguyễn Lam H là vợ chồng hợp pháp từ năm 2005. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Quế A để làm rõ mối quan hệ, xác định mục đích vay mượn giữa ông H và ông P nhưng bà Quế A đều vắng mặt. Theo quy định tại Điều 25 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Khoản 2, 4 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản, phải chịu trách nhiệm liên đới với giao dịch dân sự hợp pháp do một trong hai người thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình, từ việc sử dụng tài sản riêng để duy trì, phát triển khối tài sản chung hoặc tạo nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình. Theo sự thừa nhận của các bên thì ông Huy có nghề nghiệp là kinh doanh khách sạn, du lịch. Việc vay mượn phục vụ công việc, tạo ra thu nhập, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình. Tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, quá trình giải quyết người đại diện của bị đơn không chứng minh được số tiền vay nhằm mục đích riêng; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không gửi ý kiến về khoản nợ. Hơn nữa, số tiền vay là tài sản có giá trị rất lớn. Theo quy định tại Điều 472 của Bộ luật Dân sự 2005, bên vay trở thành chủ sở hữu tài sản vay kể từ thời điểm nhận tài sản. Theo quy định tại Điều 28 của

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, việc xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch dân sự liên quan đến tài sản chung có giá trị lớn hoặc là nguồn sống duy nhất của gia đình, việc dùng tài sản chung để đầu tư kinh doanh phải được vợ chồng bàn bạc, thỏa thuận nên bà Phạm Quế A có nghĩa vụ phải biết và phải chịu trách nhiệm chung với ông Nguyễn Lam H. Hội đồng xét xử nhận định đây là khoản vay chung nên bị đơn và vợ phải có nghĩa vụ liên đới cùng trả toàn bộ khoản nợ trên cho nguyên đơn.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy phía bị đơn không đưa ra được kế hoạch trả nợ, nhiều lần yêu cầu gia hạn nợ nhưng không cụ thể, không có thiện chí nên Hội đồng xét xử không thể xem xét. Mặt khác, việc vay mượn đã diễn ra trong thời gian khá lâu, từ năm 2015, số tiền giao dịch rất lớn. Bị đơn không trả nợ đã gây thiệt hại cho nguyên đơn. Hơn nữa, nguyên đơn không đồng ý với phương án trả nợ dần. Quá trình giải quyết, bị đơn di chuyển nhiều nơi, thay đổi nơi cư trú gây khó khăn cho Tòa án, khiến vụ án kéo dài, việc thu hồi nợ của nguyên đơn gặp nhiều trở ngại. Do đó, cần buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả toàn bộ số nợ gốc là 8,800,000,000 (Tám tỉ tám trăm triệu) đồng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 474, 478 của Bộ luật Dân sự 2005.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39, Điều 63, Điều 85, Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 238, 266, 269, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 471, 472, 474, 478 của Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ vào các Điều 25, 28 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc ông Nguyễn Lam H và bà Phạm Quế A phải có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ số tiền là 8,800,000,000 (Tám tỉ tám trăm triệu) đồng cho ông Lê Thanh P, trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán khoản nợ thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành. Mức lãi suất được xác định theo quy định tại các điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Thanh P không yêu cầu ông Nguyễn Lam H và bà Phạm Quế A trả lãi trên số tiền còn nợ là 8,800,000,000 (Tám tỉ tám trăm triệu) đồng.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Lam H và bà Phạm Quế A phải chịu án phí là 116,800,000 (Một trăm mười sáu triệu tám trăm nghìn) đồng

Trả lại cho ông Lê Thanh P số tiền tạm ứng án phí là 58,400,000 (Năm mươi tám triệu bốn trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002677 ngày 11/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

4. Ông Lê Thanh P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Lam H, Bà Phạm Quế A được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự (3);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Q. Bình Thạnh (2);
- CCTHADS Q. Bình Thạnh (2);
- Lưu VP, HS (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Thanh